

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/01/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Năm

2. Ông Hà Văn Dưa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị Ch - Sinh năm 2000

Địa chỉ: Bản Ch, xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* **Bị đơn:** Anh Vi Văn Ch - Sinh năm 2001

Địa chỉ: Bản Ch, xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: Bản B, xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị Hà Thị Chia vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Vi Văn Chuân có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023, Bản tự khai ngày 04/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị Ch trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ch tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/02/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không chung quan điểm sống, vợ chồng tuy chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng cũng trở nên to tiếng, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Xác định mâu

thuần đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

- *Về con chung*: Chị và anh Ch có một con chung là Vi Quốc C, sinh ngày 06/11/2019. Hiện cháu C đang sống cùng chị, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Hà Thị Ch đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hà Thị Ch còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân của chị Ch (bản phô tô có chứng thực); Căn cước công dân của anh Ch (bản phô tô có chứng thực); Giấy khai sinh của cháu Vi Quốc C (bản sao); Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 02/10/2023; Hợp đồng lao động giữa chị và Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) PEONY kèm theo Bảng lương các tháng 6, 7, 9, 10, 11 của năm 2023; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Về bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch cũng trình bày bản tự khai với nội dung: Anh đồng ý với ý kiến trình bày của chị Ch về điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị Ch xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị Ch; Về con chung: Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị Ch về số lượng con chung; về trách nhiệm nuôi con khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Vi Quốc C và không yêu cầu chị Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngoài bản tự khai, anh Ch không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 15/11/2023 và Biên bản hòa giải ngày 26/12/2023 chị Hà Thị Ch và anh Vi Văn Ch đã thống nhất và không thống nhất được các nội dung như sau:

- *Nội dung thống nhất*:

+ Về hôn nhân: Hai bên thuận tình ly hôn;

+ Về con chung: Hai bên thống nhất có một con chung là Vi Quốc C, sinh ngày 06/11/2019.

+ Về tài sản và công nợ: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Hai bên đương sự thống nhất là chị Ch chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Nội dung không thống nhất*:

Về trách nhiệm nuôi con: Chị Chia đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vi Quốc C, không yêu cầu anh Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2024*, bà Len Thị L là mẹ đẻ anh Vi Văn Ch cho biết:

- *Về hôn nhân*: Chị Ch và anh Ch tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh Ch và chị Ch chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ của chị Ch tại Bản Chiềng, xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay anh Ch đã ly thân chị Ch và về sinh sống cùng gia đình bà tại Bản B, xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị Ch xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Chị Ch, anh Ch có một con chung là Vi Quốc C, sinh năm 2019. Từ khi cháu C sinh ra đến nay thì sinh sống, học tập ổn định cùng chị Ch, anh Ch tại gia đình bố mẹ chị Ch ở Bản Ch, xã M. Cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Chị Ch hiện tại đang làm việc tại Công ty, có thu nhập ổn định. Anh Ch làm lao động tự do, chủ yếu làm ruộng, chăn nuôi, thu nhập cũng có nhưng không ổn định và cũng chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho bản thân anh Ch. Gia đình bà còn đủ sức khỏe và lao động để kiếm thêm thu nhập. Nguyên vọng của gia đình bà mong muốn giao cháu C cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị Ch, anh Ch không có tài sản và công nợ gì.

* *Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2024*, ông Hà Văn Ph là bố đẻ nguyên đơn Hà Thị Ch cho biết:

- *Về hôn nhân*: Chị Ch và anh Ch tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh Ch và chị Ch chung sống cùng gia đình ông tại Bản Ch, xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện tại mỗi người sống một nơi, anh Ch đã về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ của anh Ch tại xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn. Nay chị Ch xin ly hôn anh Ch thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Chị Ch, anh Ch có một con chung là Vi Quốc C, sinh năm 2019. Từ khi cháu C sinh ra đến nay thì sinh sống ổn định tại gia đình ông và học tập tại địa phương. Cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Chị Ch có công việc và thu nhập ổn định mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ và có gửi tiền đều đặn hàng tháng để hỗ trợ ông nuôi dạy cháu C. Anh Ch không có công việc, thu nhập không ổn định, không hỗ trợ được gì cho gia đình ông để chăm sóc, nuôi dạy cháu C. Tôi vẫn còn sức khỏe, trong độ tuổi lao động để làm việc có thu nhập hỗ trợ chị Ch nuôi dạy cháu C. Nguyên vọng của ông là mong muốn giao cháu C cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng để cháu được học tập, phát triển ổn định, không làm xáo trộn môi trường sinh hoạt và sẽ phù hợp hơn là giao cháu C cho anh Ch nuôi dưỡng.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị Ch và anh Ch không có tài sản chung và công nợ gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, anh Ch không thay đổi ý kiến, đề nghị giải quyết ly hôn và giao con chung Vi Quốc C cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

** Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Hà Thị Ch đối với bị đơn anh Vi Văn Ch; giao con chung Vi Quốc C cho chị Chia trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc anh Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ch. Về án phí, chị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND; HĐXX nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Hà Thị Ch quyết định đưa vụ án ra xét xử; chị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ch có mặt nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

[2]. Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3]. Về hôn nhân: Chị Hà Thị Ch và anh Vi Văn Ch tự nguyện kết hôn ngày 08/02/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Ch và anh Ch là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tuy chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhất nhưng cũng trở nên to tiếng, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Thực tế hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Ch đề nghị được ly hôn, anh Ch cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn. Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/10/2023, bản tự khai ngày 04/10/2023; Chứng cứ do bị đơn cung cấp là Bản tự khai ngày 10/10/2023; Biên bản xác minh lấy ý kiến của mẹ đẻ anh Ch ngày 04/01/2024 và Biên bản xác minh lấy ý kiến của bố đẻ chị Ch ngày 08/01/2024 mà Tòa án thu thập, HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị Ch, anh Ch thực sự trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 xem xét chấp nhận cho chị Hà Thị Ch được ly hôn anh Vi Văn Ch là phù hợp.

[4]. Về con chung: Chị Hà Thị Ch và anh Vi Văn Ch có một con chung là Vi Quốc C, sinh ngày 06/11/2019. Chị Ch và anh Ch đều có nguyện vọng nuôi cháu Vi Quốc C và không yêu cầu bên còn lại phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị Ch và anh Ch về trách nhiệm nuôi con: Thực tế lâu nay cháu Vi Quốc C đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị Ch, còn anh Ch đã chuyển nơi ở mới tại gia đình bố mẹ đẻ của anh. Qua tài liệu mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn với Công ty TNHH PEONY kèm theo Bảng lương với mức lương trung bình mỗi tháng 8 triệu đến 9 triệu đồng, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập. HĐXX thấy rằng, chị Ch có công việc, thu nhập ổn định với mức thu nhập phù hợp với điều kiện sống hiện nay, đảm bảo cho việc sinh hoạt cá nhân chị và đảm bảo cho việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ; đối với anh Ch không có công việc và thu nhập không ổn định, phụ thuộc thời vụ và cũng chỉ đảm bảo việc sinh hoạt tối thiểu cho cá nhân anh, không có khả năng nuôi dưỡng thêm người khác đặc biệt là trẻ nhỏ. Do vậy, giao cháu C cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, tốt hơn cho sự phát triển của cháu C và đồng thời đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. Về cấp dưỡng: Chị Ch không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Hà Thị Ch và anh Vi Văn Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Hà Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ch.

- Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Ch được ly hôn anh Vi Văn Ch.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Ch có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vi Quốc C, sinh ngày 06/11/2019. Anh Vi Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ch.

Anh Vi Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Hà Thị Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Ch đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0006348 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; chị Ch đã nộp đủ án phí DSST.

- *Về quyền kháng cáo:* Anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:- VKSND huyện Quan Sơn;

- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn